

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **297/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 21-11-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp việc
nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh– Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Biên Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên
tòa:** Ông Trần Xuân Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý:
1044/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn,
tranh chấp việc nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
284/2019/QĐXX-ST ngày 17/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
400/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Minh P**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: tổ 26, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng
Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Trọng C**, sinh năm 1982.

Địa chỉ thường trú: tổ 26, khu phố 8A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng
Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Minh P trình
bày:**

Chị và anh Bùi Trọng C chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại

UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 528, quyển số 02/2008, ngày 12/11/2008. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bất đồng về cách nuôi dạy con cái, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã nhiều lần cùng ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống. Anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay. Chị xác định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Mai Phương T, sinh ngày 13/9/2001 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 15/7/2009. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Bùi Mai Phương T và Bùi Tuấn A, không yêu cầu anh Bùi Trọng C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Bùi Trọng C trình bày:
Anh và chị P chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 528, quyển số 02/2008, ngày 12/11/2008.

Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống tuy nhiên đều cùng nhau giải quyết. Tháng 12/2017, anh bị tai nạn dẫn đến thương tật 75%, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh không đóng góp được vào kinh tế gia đình. Anh dọn ra ngoài ở hơn 01 năm nay do chị P không cho anh sống chung. Anh xác định vẫn còn yêu thương vợ con, nhưng nếu chị P cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Mai Phương T, sinh ngày 13/9/2001 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 15/7/2009. Ly hôn chị P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 cháu Phương T và Tuấn A, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại tổ 38, khu phố 2, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc là của bố mẹ vợ ông Vũ Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Hương cho vợ chồng, việc cho chỉ viết giấy tay. Hiện nay nhà đất đang làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên nhận đứng tên vợ anh Vũ Thị Minh P. Anh không nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vì hiện nay anh đang đi làm để kiếm tiền nuôi sống bản thân. Khi có đủ tiền nộp tạm ứng án phí anh sẽ làm đơn khởi kiện chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ được thông qua tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh C; về con chung: đề nghị giao cháu Bùi Tuấn A và Bùi Mai Phương T cho chị Vũ Thị Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Bùi Trọng C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: nguyên đơn khai không có, bị đơn khai có nhà và đất nhưng chưa làm đơn khởi kiện chia tài sản chung nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi đương sự có yêu cầu; về nợ chung: các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Chị Vũ Thị Minh P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Trọng C. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị P là nguyên đơn, anh C là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Trọng C có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu khởi kiện của chị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Nguyên đơn chị Vũ Thị Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Trọng C vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P, anh C theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Minh P và anh Bùi Trọng C chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thành

phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 528, quyển số 02/2008, ngày 12/11/2008. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị P và anh C là hợp pháp.

Anh C và chị P đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Anh C cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị P. Do đó, xác định mâu thuẫn giữa chị P và anh C đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Minh P đối với anh Bùi Trọng C.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh C có 02 con chung tên Bùi Mai Phương T, sinh ngày 13/9/2001 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 15/7/2009. Chị Vũ Thị Minh P yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Trọng C cũng đồng ý giao 02 cháu Bùi Mai Phương T và Bùi Tuấn A cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, cháu Phương T và Tuấn A có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao 02 cháu Bùi Mai Phương T và Bùi Tuấn A cho chị Vũ Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Bùi Trọng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Minh P khai không có, không yêu cầu giải quyết. Anh Bùi Trọng C khai vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng không nộp đơn khởi kiện trong vụ án này. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4.4] Về nợ chung: Chị P và anh C khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị Minh P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 68, Khoản 4 Điều 147, 220, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Minh P đối với anh Bùi Trọng C về việc “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Minh P được ly hôn anh Bùi Trọng C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Mai Phương T, sinh ngày 13/9/2001 và Bùi Tuấn A, sinh ngày 15/7/2009 cho chị Vũ Thị Minh P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Bùi Trọng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P, anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Minh P khai không có, không yêu cầu giải quyết. Anh Bùi Trọng C khai vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất nhưng không nộp đơn khởi kiện nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị P, anh C khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Vũ Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004950 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chị P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú